

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan  
tổ chức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở  
hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ  
phí;*

*Căn cứ khoản 5, Điều 3 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11  
năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết  
định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc xây dựng mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để  
lại cho đơn vị tổ chức thu; bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lạng  
Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý  
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ  
quan tổ chức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà,  
tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích  
để lại cho cơ quan tổ chức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng thu lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan Nhà  
nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài  
sản gắn liền với đất.

3. Mức thu lệ phí

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
<b>A</b>	<b>Đối với hộ gia đình, cá nhân</b>		
<b>I</b>	<b>Cấp Giấy chứng nhận lần đầu</b>		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà, tài sản gắn liền với đất)		
1.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/Giấy	30.000
1.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/Giấy	25.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, và tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/Giấy	100.000
2.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/Giấy	80.000
<b>II</b>	<b>Cấp lại (Kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận); cấp đổi, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp</b>		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà, tài sản gắn liền với đất)		
1.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/lần cấp	30.000
1.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/lần cấp	25.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/lần cấp	50.000
2.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/lần cấp	40.000
<b>B</b>	<b>Đối với tổ chức</b>		
<b>I</b>	<b>Cấp Giấy chứng nhận lần đầu</b>		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà, tài sản gắn liền với đất)		
1.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/lần cấp	100.000
1.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/lần cấp	80.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/lần cấp	500.000
2.2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/lần cấp	400.000
<b>II</b>	<b>Cấp lại (Kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận); cấp đổi, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp</b>		
1	Các phường thuộc thành phố	Đồng/lần cấp	60.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
2	Các xã thuộc thành phố và các xã, thị trấn thuộc huyện	Đồng/lần cấp	50.000
<b>C</b>	<b>Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>		
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/bản	15.000
2	Đối với tổ chức	Đồng/bản	30.000

4. Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị thu lệ phí: cơ quan tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CPVP, Chuyên viên VP.HĐND tỉnh;
- CPVP, các phòng VP.UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn; Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Nghiệm**